

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2026/DS-ST**
Ngày: 28/5/2026
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc.

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Xuyên, Thư ký viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên
tòa:** Không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXST - DS ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB)**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quốc C, sinh năm: 1991 – Chuyên viên quan hệ khách hàng, theo văn bản ủy quyền số 08/2026/UQ-OCB ngày 20/5/2026 của Ngân hàng TMCP P (O)

Địa chỉ liên hệ: Số E đường N, đặc khu P, tỉnh An Giang (*Có đơn xin vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* **Chị Lê Thị Ngọc T1**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 02/6/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) và chị Lê Thị Ngọc T1 thỏa thuận ký kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 090/2022 (*gọi chung là Hợp đồng*) để vay vốn, chi tiết như sau:

1. Số thẻ: 520980XXXXXX9560.

- Hạn mức: 56.000.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*)
- Mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, trực tiếp thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất vay: 30%/năm.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

2. Số thẻ: 970448XXXXXX4365.

- Hạn mức: 56.000.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*)
- Mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, trực tiếp thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất vay: 30%/năm.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Sau khi ký kết và trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị Lê Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho OCB. Tính đến ngày 28/5/2026, chị T1 còn nợ OCB 02 khoản như sau:

Thẻ tín dụng số 520980XXXXXX9560. Dư nợ gốc 1.142.944 đồng; nợ lãi 7.270.760 đồng, phí 4.144.566 đồng.

Thẻ tín dụng số 970448XXXXXX4365. Dư nợ gốc 52.400.894 đồng; nợ lãi 101.013.536 đồng, phí 19.979.743 đồng.

Tổng số tiền còn nợ của 02 thẻ tín dụng kể cả gốc và lãi phát sinh là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Ngọc T1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) tổng số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/5/2026 là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh sau ngày 28/5/2026 theo hợp đồng số 090/2022 ngày 02/6/2022 02 bên đã ký kết cho đến khi chị T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB).

* *Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Lê Thị Ngọc T1 không có lời trình bày.*

* **Tại phiên tòa:** Đại diện nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) về việc buộc bị đơn chị Lê Thị Ngọc T1 (*có nơi cư trú tại khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang*) thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của bị đơn không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan và phía đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Ngày 02/6/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) có ký hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng chị Lê Thị Ngọc T1 số 090/2022, với số tiền vay mỗi thẻ là 56.000.000 đồng, mục đích vay là để mua hàng trực tuyến, trực tiếp thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng. Lãi suất cho vay 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thời hạn vay mỗi thẻ là 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngoài các nội dung trên thì giữa hai bên còn có các thỏa thuận khác được thể hiện cụ thể trong hợp đồng.

Sau khi ký kết và trong quá trình sử dụng 02 thẻ, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận cho đến nay. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB) khởi kiện yêu cầu chị T1 phải thanh toán tổng số tiền vay gốc và lãi của 02 thẻ tạm tính đến ngày 28/5/2026 là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*). Đồng thời, chị T1 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh sau ngày 28/5/2026 theo hợp đồng số 090/2022 ngày 02/6/2022 02 bên đã ký kết cho đến khi chị T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB).

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ cho thấy, giữa O và chị T1 có ký kết hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng số 090/2022 với hạn mức của mỗi thẻ là 56.000.000 đồng và tính đến ngày 28/5/2026 chị T1 còn dư nợ và lãi phát sinh chưa thanh toán cho O với tổng

số tiền là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*), trong đó số tiền dư nợ gốc của 02 thẻ là 53.543.838 đồng, lãi 108.284.296 đồng, phí 24.124.309 đồng là có thật.

2.2 Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo đến chị T1 được biết. Đồng thời, Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải nhưng chị T1 luôn vắng mặt nên không có trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tại phiên tòa chị T1 vắng mặt không có lý do.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX chấp nhận yêu cầu của O. Buộc chị Lê Thị Ngọc T1 trả cho O tổng số tiền gốc và lãi phát sinh của 02 thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 28/5/2026 là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh sau ngày 28/5/2026 theo hợp đồng số 090/2022 ngày 02/6/2022 mà 02 bên đã ký kết cho đến khi chị T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Chị Lê Thị Ngọc T1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho O (185.952.443 đồng x 5%) là 9.297.622 đồng (*Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*).

- Hoàn trả cho OCB số tiền tạm ứng án phí mà OCB đã nộp là 3.087.802 đồng (*Ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ hai đồng*) theo lai thu số 0007000 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 119, 398, 399, 400, 401, 418, 463, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi năm 2025) và khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc chị Lê Thị Ngọc T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB) số tiền dư nợ gốc và lãi của 02 thẻ tính đến ngày 28/5/2026 tổng cộng là 185.952.443 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết sau ngày 28/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB).

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị T1 còn nợ và chị T1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá

hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Lê Thị Ngọc T1 phải chịu là 9.297.622 đồng (*Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.087.802 đồng (*Ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ hai đồng*) theo lai thu số 0007000 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang*).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh AG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Cẩm Linh

